

Số: 236/QĐ-NXBGDVN

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu 06 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Đà Nẵng
thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung
và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025

TỔNG GIÁM ĐỐC NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ về việc
Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/2/2024 của Bộ Kế hoạch
và Đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà
thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản
Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-
BGDĐT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế về mua sắm hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho
hoạt động sản xuất kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên
của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt
Nam ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ-NXBGDVN ngày 18/10/2023 của
Hội đồng thành viên NXBGDVN (gọi tắt là Quy chế 555) và Quyết định số
152/QĐ-NXBGDVN ngày 23/02/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN về
việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 555;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐTV ngày 23/10/2023 của Hội đồng thành
viên NXBGDVN về việc thông qua kế hoạch phát hành, in, vật tư phục vụ năm
học 2024-2025 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐTV ngày 18/3/2024 của Hội đồng
thành viên NXBGDVN về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số
89/NQ-HĐTV ngày 23/10/2023;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-NXBGDVN ngày 29/3/2024 của NXBGDVN
về việc Phê duyệt dự toán cho các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu
mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học
2024-2025;

Căn cứ Tờ trình số 680/TTr-NXBGDVN ngày 29/3/2024 của Tổng Giám đốc
NXBGDVN xin ý kiến Hội đồng thành viên phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu



các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 10/BC-TTĐ ngày 30/3/2024 của Tổ thẩm định (thành lập theo Quyết định số 618/QĐ-NXBGDVN ngày 10/11/2023 của Tổng Giám đốc NXBGDVN) về việc báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐTV ngày 01/4/2024 của Hội đồng thành viên NXBGDVN về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu 06 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Đà Nẵng thuộc Dự toán mua sắm: Các gói thầu mua sắm dịch vụ in SGD tái bản bổ sung và SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Ban Kiểm soát và Pháp chế chịu trách nhiệm giám sát tất cả các bước trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Phó Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng ban Kế hoạch In - Phát hành, Trưởng ban Tài chính - Kế toán, Trưởng ban Kiểm soát và Pháp chế, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV (để báo cáo);
- TB KS;
- TGĐ, PTGD Lê Huy, KTT;
- Các Ban: TCKT, KSPC, KHI;
- Tổ giúp việc mua sắm DVI theo QĐ 618, 165;
- P-Office;
- Website: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Website: <https://www.nxbgd.vn>;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
Người đại diện theo Pháp luật



Hoàng Lê Bách

MÔ TẢ CHI TIẾT

1. Tên, số lượng, thông tin chi tiết, giá dự toán:

a) Tên, số lượng:

- Tên: Gói thầu 06 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Đà Nẵng.

- Tổng số bản: **6.245.300 (bản)**.

- Tổng Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ: **744.692.400 (trang)**.

b) Thông tin chi tiết

- Tên hàng hóa, dịch vụ: Mua sắm dịch vụ in SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Đà Nẵng.

- Số hiệu gói mua sắm: INSGD2024G06.

- Đặc tính kỹ thuật, yêu cầu cơ bản: Theo tiêu chuẩn kỹ thuật in sách và kỹ thuật gia công sách quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia về Sách - Yêu cầu chung (TCVN 8694:2011); Tiêu chuẩn quốc gia về Sách giáo khoa - Yêu cầu và Phương pháp thử (TCVN 13909:2024) và các quy định cụ thể được nêu tại Hồ sơ mời thầu.

- Các yêu cầu cơ bản khác:

+ Gói thầu 06 gồm 08 phần thầu độc lập in SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Đà Nẵng.

+ Tên các phần thầu, số hiệu từng phần, tên sách, mã sách, số màu in, chủng loại giấy in, khổ sách, số trang ruột, phương pháp đóng sách, tổng số bản in, tổng số trang giấy (ruột, bìa), số lượng bản nhập kho theo các mốc tiến độ của từng phần thầu cụ thể thuộc Gói thầu 06 - In SGD lớp 5, 9, 12 phục vụ năm học 2024-2025 nhập kho Đà Nẵng: chi tiết tại bảng thống kê đính kèm.

c) Giá dự toán

TT	Tên phần thầu	Số cuốn	Tổng số bản	Số trang thành phẩm (ruột + bìa) nguyên khổ	Giá dự toán gói thầu đã bao gồm VAT 8% (đồng)
TỔNG CỘNG		83	6.245.300	744.692.400	17.456.989.897
01	ĐN-Phần 01	9	760.000	101.004.400	2.608.154.202
02	ĐN-Phần 02	10	744.600	98.214.000	2.541.793.538
03	ĐN-Phần 03	8	835.300	105.128.000	2.714.362.505
04	ĐN-Phần 04	10	715.300	99.647.600	2.638.049.589
05	ĐN-Phần 05	10	990.500	104.387.600	2.599.150.648
06	ĐN-Phần 06	10	980.000	104.240.000	2.622.824.246
07	ĐN-Phần 07	14	586.900	67.406.400	867.446.370
08	ĐN-Phần 08	12	632.700	64.664.400	865.208.799

- Giá gói thầu 06 (bao gồm VAT với thuế suất 8%) là: **17.456.989.897** đồng.

Bằng chữ: Mười bảy tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng.

2. Chủ đầu tư (kiêm Bên mời thầu): Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN).

3. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của NXBGDVN.

Phân loại KHLCNT (tại Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia): Khác.

4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2024.

5. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

6. Thời gian thực hiện gói thầu: 240 ngày.

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 06 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO ĐÀ NẴNG

TÊN PHẦN THẦU: ĐN - PHẦN 01

SỐ HIỆU: INSGD2024G06

NHẬP TẠI KHO HÒA CẨM - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG

TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHỨNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA											
1	Tiếng Việt 5 tập 1 KNTT	G1HH5V003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	168	PG	190.000	31.920.000	760.000	-	100.000	90.000
2	Tiếng Việt 5 tập 2 CTST	G2HH5V004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	148	PG	33.000	4.884.000	132.000	33.000	-	-
3	HĐ trải nghiệm 5 bản 1 CTST	G4HH5Q002X24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	53.300	5.116.800	213.200	53.300	-	-
4	Tin học 9 KNTT	G1HH9I002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	150.000	13.800.000	600.000	-	100.000	50.000
5	Ngữ văn 9, Tập 1 CTST	G2HH9V003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	160	PG	48.500	7.760.000	194.000	48.500	-	-
6	Lịch sử và Địa lí 9 CTST	G2HH9U002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	248	PG	59.700	14.805.600	238.800	59.700	-	-
7	Mĩ thuật 9 CTST (bản 1)	G4HH9M002X24	4	4/1	65	180	19x26,5	76	ĐL	123.000	9.348.000	492.000	30.000	30.000	63.000
8	Tin học 12 - ĐH Khoa học máy tính KNTT	G1HHZI005H24	4	4/2	65	180	19x26,5	164	PG	35.000	5.740.000	140.000	35.000	-	-
9	CĐHT Vật lí 12 KNTT	G1HHZL004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	67.500	4.590.000	270.000	30.000	37.500	-
Tổng cộng										760.000	97.964.400	3.040.000	289.500	267.500	203.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 06 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO ĐÀ NẴNG

TÊN PHẦN THẦU: ĐN-PHẦN 02

SỐ HIỆU: INSGD2024G06

NHẬP TẠI KHO HÒA CẨM - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG

TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHỦNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	Âm nhạc 5 KNTT	G3HH5R002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	76	ĐL	160.000	12.160.000	640.000	50.000	60.000	50.000
2	Toán 5 tập 2 CTST	G2HH5T004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	33.000	3.960.000	132.000	33.000		
3	Đạo đức 5 CTST	G2HH5G002M24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	28.000	1.792.000	112.000	28.000		
4	Ngữ văn 9, Tập 2 KNTT	G1HH9V004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	148	PG	120.000	17.760.000	480.000		60.000	60.000
5	Khoa học tự nhiên 9 KNTT	G1HH9K002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	228	PG	130.000	29.640.000	520.000		70.000	60.000
6	Ngữ văn 9, Tập 2 CTST	G2HH9V004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	156	PG	51.000	7.956.000	204.000	51.000		
7	Toán 9, Tập 2 CTST	G2HH9T004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	116	PG	50.000	5.800.000	200.000	50.000		
8	Toán 12 tập 2 KNTT	G1HHZT005H24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	139.000	13.344.000	556.000	50.000	40.000	49.000
9	CĐHT Sinh học 12 KNTT	G1HHZB004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	80	ĐL	22.300	1.784.000	89.200	22.300		
10	CĐHT Ngữ văn 12 CTST	G2HHZV006M24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	11.300	1.039.600	45.200	11.300		
	Tổng cộng									744.600	95.235.600	2.978.400	295.600	230.000	219.000

[Handwritten signature]

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 06 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO ĐÀ NẴNG

TÊN PHẦN THẦU: ĐN-PHẦN 03

SỐ HIỆU: INSGD2024G06

NHẬP TẠI KHO HÒA CẨM - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG

TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHỦNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)								Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA					RUỘT	BÌA			
1	Toán 5 tập 1 KNTT	G1HH5T003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	140	PG	190.000	26.600.000	760.000	70.000	50.000	70.000
2	Tin học 5 KNTT	G1HH5I002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	84	ĐL	150.000	12.600.000	600.000		60.000	90.000
3	Lịch sử và Địa lý 5 KNTT	G1HH5U002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	150.000	18.000.000	600.000		80.000	70.000
4	Toán 9, Tập 1 CTST	G2HH9T003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	116	PG	49.000	5.684.000	196.000	49.000		
5	Ngữ văn 12 tập 2 KNTT	G1HHZV005H24	4	4/1	65	180	19x26,5	140	PG	122.000	17.080.000	488.000	30.000	60.000	32.000
6	CĐHT Ngữ văn 12 KNTT	G1HHZV006H24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	71.000	6.532.000	284.000	71.000		
7	Sinh học 12 KNTT	G1HHZB003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	196	PG	44.300	8.682.800	177.200	44.300		
8	Lịch sử 12 KNTT	G1HHZS003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	112	PG	59.000	6.608.000	236.000		59.000	
	Tổng cộng									835.300	101.786.800	3.341.200	264.300	309.000	262.000

LC

NHẬP TẠI KHO HÒA CẨM - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG

NHẬP TẠI KHO HOA CẨM - HOA VANG - ĐÀ NẴNG															
TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHỦNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐỒNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BÁN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	Toán 5 tập 2 KNTT	G1HH5T004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	136	PG	150.000	20.400.000	600.000	-	100.000	50.000
2	Khoa học 5 KNTT	G3HH5K002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	112	PG	150.000	16.800.000	600.000	30.000	60.000	60.000
3	Lịch sử và Địa lý 9 KNTT	G1HH9U002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	240	PG	100.000	24.000.000	400.000	-	50.000	50.000
4	GD thể chất 9 KNTT	G3HH9E002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	100.000	9.600.000	400.000	-	50.000	50.000
5	CĐHT Địa lí 12 KNTT	G1HHZD004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	56	ĐL	33.500	1.876.000	134.000	33.500	-	-
6	Hóa học 12 KNTT	G1HHZH003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	144	PG	55.000	7.920.000	220.000	55.000	-	-
7	Ngữ văn 12 tập 1 CTST	G2HHZV004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	172	PG	32.400	5.572.800	129.600	32.400	-	-
8	Ngữ văn 12 tập 2 CTST	G2HHZV005M24	4	4/1	65	180	19x26,5	144	PG	32.400	4.665.600	129.600	32.400	-	-
9	Toán 12 tập 1 CTST	G2HHZT004M24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	31.000	2.976.000	124.000	31.000	-	-
10	Toán 12 tập 2 CTST	G2HHZT005M24	4	4/1	65	180	19x26,5	96	PG	31.000	2.976.000	124.000	31.000	-	-
Tổng cộng										715.300	96.786.400	2.861.200	245.300	260.000	210.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 06 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO ĐÀ NẴNG

TÊN PHẦN THẦU: ĐN-PHẦN 05

SỐ HIỆU: INSGD2024G06

NHẬP TẠI KHO HÒA CÀM - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG

TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	GD thể chất 5 KNTT	G1HH5E002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	88	ĐL	90.000	7.920.000	360.000	-	45.000	45.000
2	Đạo đức 5 KNTT	G1HH5G002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	150.000	9.600.000	600.000	-	100.000	50.000
3	Mĩ thuật 5 KNTT	G1HH5M002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	92.000	5.888.000	368.000	-	46.000	46.000
4	HĐ trải nghiệm 5 KNTT	G3HH5Q002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	100	PG	100.000	10.000.000	400.000	-	50.000	50.000
5	Mĩ thuật 5 bản 1 CTST	G4HH5M002X24	4	4/1	65	180	19x26,5	80	ĐL	90.000	7.200.000	360.000	30.000	30.000	30.000
6	Ngữ văn 12 tập 1 KNTT	G1HHZV004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	168	PG	137.000	23.016.000	548.000	50.000	40.000	47.000
7	Toán 12 tập 1 KNTT	G1HHZT004H24	4	4/2	65	180	19x26,5	100	PG	153.000	15.300.000	612.000	70.000	83.000	-
8	CĐHT Hóa học 12 KNTT	G1HHZH004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	52	ĐL	33.000	1.716.000	132.000	33.000	-	-
9	Tin học 12 - ĐH Tin học ứng dụng KNTT	G1HHZI006H24	4	4/2	65	180	19x26,5	156	PG	64.600	10.077.600	258.400	64.600	-	-
10	Hoá học 12 CTST	G2HHZH003M24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	80.900	9.708.000	323.600	40.900	40.000	-
Tổng cộng										990.500	100.425.600	3.962.000	288.500	434.000	268.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 06 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO ĐÀ NẰNG
TÊN PHẦN THẦU: ĐN-PHẦN 06
SỐ HIỆU: INSGD2024G06
NHẬP TẠI KHO HÒA CẨM - HÒA VANG - ĐÀ NẰNG

TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHUNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BÁN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	Tiếng Việt 5 tập 2 KNTT	G1HH5V004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	160	PG	150.000	24.000.000	600.000		90.000	60.000
2	Công nghệ 5 KNTT	G1HH5C002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	52	ĐL	150.000	7.800.000	600.000	50.000	50.000	50.000
3	Ngữ văn 9, Tập 1 KNTT	G1HH9V003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	152	PG	90.000	13.680.000	360.000	50.000	40.000	-
4	Toán 9/1 KNTT	G1HH9T003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	120	PG	90.000	10.800.000	360.000	45.000	45.000	-
5	Toán 9/2 KNTT	G1HH9T004H24	4	4/1	65	180	19x26,5	132	PG	100.000	13.200.000	400.000	-	50.000	50.000
6	GD công dân 9 KNTT	G1HH9G002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	56	ĐL	90.000	5.040.000	360.000	-	45.000	45.000
7	HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 9 KNTT	G3HH9Q002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	64	ĐL	100.000	6.400.000	400.000	50.000	50.000	-
8	Âm nhạc 9 KNTT	G3HH9R002A24	4	4/1	65	180	19x26,5	68	ĐL	90.000	6.120.000	360.000	45.000	45.000	-
9	Vật lí 12 KNTT	G1HHZL003H24	4	4/1	65	180	19x26,5	124	PG	70.000	8.680.000	280.000	-	40.000	30.000
10	HĐ trải nghiệm, hướng nghiệp 12 KNTT	G1HHZQ002H24	4	4/1	65	180	19x26,5	92	PG	50.000	4.600.000	200.000	50.000	-	-
Tổng cộng										980.000	100.320.000	3.920.000	290.000	455.000	235.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 06 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO ĐÀ NẴNG

TÊN PHẦN THẦU: ĐN-PHẦN 07

SỐ HIỆU: INSGD2024G06

NHẬP TẠI KHO HÒA CẨM - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG

TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHỪNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BÁN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA											
1	VBT Tiếng Việt 5 tập 1 KNTT	G1BH5V001H	2	4/0	65*	180	17x24	124	PG	146.700	18.190.800	586.800	100.000	46.700	
2	VBT Đạo đức 5 KNTT	G1BH5G001H	2	4/0	65*	180	17x24	56	ĐL	50.000	2.800.000	200.000		30.000	20.000
3	VBT Tin học 5 KNTT	G1BH5I001H	2	4/0	65*	180	17x24	76	ĐL	50.000	3.800.000	200.000			50.000
4	VBT Lịch sử và Địa lý 5 KNTT	G1BH5U001H	2	4/0	65*	180	17x24	108	PG	50.000	5.400.000	200.000		50.000	
5	VBT Khoa học 5 KNTT	G3BH5K001A	2	4/0	65*	180	17x24	88	ĐL	50.000	4.400.000	200.000		30.000	20.000
6	VBT HĐ trải nghiệm 5 KNTT	G3BH5Q001A	2	4/0	65*	180	17x24	80	ĐL	40.000	3.200.000	160.000			40.000
7	VBT Toán 5 tập 2 CTST	G2BH5T002M	2	4/0	65*	180	17x24	144	PG	18.000	2.592.000	72.000	18.000		
8	BT Toán 9, tập 1 KNTT	G1BH9T001H	2	4/0	65*	180	17x24	124	PG	40.000	4.960.000	160.000		40.000	
9	BT Khoa học tự nhiên 9 KNTT	G1BH9K001H	2	4/0	65*	180	17x24	196	PG	40.000	7.840.000	160.000		40.000	
10	BT Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử KNTT	G1BH9U001H	2	4/0	65*	180	17x24	140	PG	30.000	4.200.000	120.000		30.000	
11	BT Toán 9, Tập 1 CTST	G2BH9T001M	2	4/0	65*	180	17x24	112	PG	20.000	2.240.000	80.000	20.000		
12	BT Ngữ văn 9 - Tập 1 CTST	G2BH9V001M	2	4/0	65*	180	17x24	104	PG	18.000	1.872.000	72.000	18.000		
13	BT Ngữ văn 9 - Tập 2 CTST	G2BH9V002M	2	4/0	65*	180	17x24	108	PG	18.000	1.944.000	72.000	18.000		
14	BT Lịch sử và Địa lý 9 - Phần Địa lí CTST	G2BH9U002M	2	4/0	65*	180	17x24	100	PG	16.200	1.620.000	64.800	16.200		
	Tổng cộng									586.900	65.058.800	2.347.600	190.200	266.700	130.000

TÊN GÓI THẦU: GÓI THẦU 06 - IN SGD LỚP 5, 9, 12 PHỤC VỤ NĂM HỌC 2024 - 2025 NHẬP KHO ĐÀ NẴNG
TÊN PHẦN THẦU: ĐN - PHẦN 08
SỐ HIỆU: INSGD2024G06
NHẬP TẠI KHO HÒA CẨM - HÒA VANG - ĐÀ NẴNG

TT	TÊN SÁCH	MÃ SÁCH	SỐ MÀU IN		CHỨNG LOẠI		KHỔ SÁCH (cm)	SỐ TRANG RUỘT	PP ĐÓNG SÁCH	TỔNG SỐ BẢN IN	TỔNG SỐ TRANG GIẤY (NGUYÊN KHỔ)		SỐ LƯỢNG BẢN NHẬP KHO THEO CÁC MỐC TIỀN ĐỘ		
					GIẤY IN (g/m2)						RUỘT	BÌA	Đến 30/6/2024	Đến 20/7/2024	Đến 10/8/2024
			RUỘT	BÌA	RUỘT	BÌA									
1	VBT Tiếng Việt 5 tập 2 KNTT	G1BH5V002H	2	4/0	65*	180	17x24	120	PG	134.000	16.080.000	536.000	40.000	50.000	44.000
2	VBT Toán 5, tập 1 KNTT	G1BH5T001H	2	4/0	65*	180	17x24	136	PG	100.000	13.600.000	400.000		50.000	50.000
3	VBT Toán 5, tập 2 KNTT	G1BH5T002H	2	4/0	65*	180	17x24	136	PG	81.000	11.016.000	324.000	40.000	41.000	
4	VBT Mĩ thuật 5 KNTT	G1BH5M001H	4	4/0	65*	180	17x24	48	ĐL	69.500	3.336.000	278.000	39.500		30.000
5	VBT Công nghệ 5 KNTT	G1BH5C001H	2	4/0	65*	180	17x24	32	ĐL	50.000	1.600.000	200.000			50.000
6	VBT Âm nhạc 5 KNTT	G3BH5R001A	2	4/0	65*	180	17x24	40	ĐL	50.000	2.000.000	200.000		30.000	20.000
7	VBT Tiếng Việt 5 tập 2 CTST	G2BH5V002M	2	4/0	65*	180	17x24	132	PG	18.500	2.442.000	74.000	18.500		
8	VBT Mĩ thuật 5 bản 1 CTST	G4BH5M001X	4	4/0	65*	180	17x24	40	ĐL	30.000	1.200.000	120.000			30.000
9	VBT HĐ trải nghiệm 5 bản 1 CTST	G4BH5Q001X	2	4/0	65*	180	17x24	68	ĐL	19.700	1.339.600	78.800	19.700		
10	BT Toán 9, tập 2 KNTT	G1BH9T002H	2	4/0	65*	180	17x24	144	PG	30.000	4.320.000	120.000		30.000	
11	BT Ngữ văn 9, tập 1 KNTT	G1BH9V001H	2	4/0	65*	180	17x24	96	PG	30.000	2.880.000	120.000		30.000	
12	BT Toán 9, Tập 2 CTST	G2BH9T002M	2	4/0	65*	180	17x24	116	PG	20.000	2.320.000	80.000	20.000		
	Tổng cộng									632.700	62.133.600	2.530.800	177.700	231.000	224.000

